


LỜI MỞ ĐẦU

Người ta nói Đồng Nai có một chất say, say nhẹ nhẹ nhưng lại rất lâu, say từ con người cho đến cảnh vật. Có lẽ bởi thế đã níu chân bao khách lạ muôn phương, đến rồi không nỡ đi. Còn trong tôi, Đồng Nai là vùng đất đang vươn mình mạnh mẽ cùng cả nước hội nhập, năng động, trẻ trung nhưng vẫn có những điều xưa cũ, vẫn giữ lấy một vùng trời lịch sử rất riêng bên dòng công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Cùng với nhịp độ phát triển của mình, quê hương tôi- quê hương thứ hai(xin được phép gọi bằng cái tên trù mến ấy) không chỉ khoác lên mình màu áo mới rạng rỡ mà còn được điểm tô bởi bao trang chiến công lừng lẫy. Song, điều làm nên một Đồng Nai tươi đẹp không chỉ có vậy. Bởi mảnh đất này còn mang trong mình dòng chảy của máu, của niềm tin, khát vọng gửi gắm tự ngàn đời, nhắc nhở thế hệ hôm nay sống và phấn đấu vì lí tưởng cao đẹp. Điều đó đã được cụ thể hóa qua hình ảnh con người Đồng Nai trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ gian lao mà anh dũng của cả nước nói chung, quân dân Đồng Nai nói riêng. Để rồi khi lịch sử sang trang thì điều ấy lại trở thành bài học vô giá cho mỗi thế hệ, đặc biệt là học sinh sinh viên.

Hòa cùng sức trẻ cả nước, trên nhịp chảy của dòng sông lịch sử dân tộc, chúng tôi, lớp trẻ của tỉnh nhà cũng may mắn có được niềm vinh dự nhận lịch sử bằng những tri thức, dấu ấn được khắc ghi thông qua sự tìm hiểu về mảnh đất mình đang sống. Để viết lại trong hành trang đang đi, để khi gặp gỡ nhau trên đường đời sẽ cùng nhau nhắc lại chuyện sử quê mình mà thêm phấn đấu cho xứng đáng. Do vậy, hội thi đối với tôi lại càng thêm ý nghĩa. Và trên tất cả, đây còn là dịp mà thông qua đó tôi được nói lời cảm ơn đến mảnh đất này

A watercolor illustration of a lotus plant. In the upper left, a vibrant pink lotus flower is in full bloom, with many layers of petals. To its right and below are several large, heart-shaped green leaves with prominent veins. The leaves are painted with varying shades of green, from light to dark, giving them a sense of depth and texture. The stems are thin and green, with small dark spots. The background is a plain, light color, making the colors of the lotus stand out.

bằng tình yêu của một người con tuy không sinh ra nhưng lại được lớn lên trong sự ấm áp từ nơi đây.

Với tấm lòng mình, xin cho tôi được viết đôi dòng tình cảm bằng cái nhìn của tuổi trẻ, bằng trái tim của bản thân thông qua những nét đẹp lịch sử vẫn còn vang vọng đến mai sau trong bài viết này với chủ đề “Tìm hiểu giá trị văn hóa- lịch sử” của hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa- lịch sử Đồng Nai năm 2016”.

**PHẦN I: VIẾT VỀ NGƯỜI ANH HÙNG
ĐOÀN VĂN CỰ...**

Câu hỏi: Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương, phường xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.

Trả lời:

1. Con đường mang tên người anh hùng Đoàn Văn Cự trên địa bàn xã Thiên Tân.

Có một con đường in sâu trong kí ức của tôi từ thời bé, con đường trải nhựa lấm nhễnh khúc quanh với những hàng cây chạy dài đến Quốc lộ mà trước đây được gọi là đường Phát Triển hay đường Kiểm. Con đường ấy trong miền nhớ của một đứa trẻ như tôi ngày nào rất to rất rộng, rất dài nhưng cũng rất vắng vẻ. Theo thời gian, con đường già đi, còn tôi lớn lên. Song mối gắn kết giữa cuộc sống của tôi và nó chưa bao giờ thay đổi. Nếu ngày thơ ấu đó là con đường đưa tôi đến những niềm vui thì khi lớn lên lại trở thành con đường đưa tôi đi học và đón tôi trở về sau những ngày xa nhà. Bởi thế mà khi đi trên con đường ấy cảm giác rất thân thuộc, tưởng chừng như chỉ cần nhìn thấy từ xa thôi thì đi bao lâu cũng muốn đến, con đường Đoàn Văn Cự.



Đường Đoàn Văn Cự thuộc địa phận xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu có tổng chiều dài khoảng 3580m kéo dài từ đầu nhà máy nước Thiện Tân đến khu vực giáp hai phường Tân Biên, Tân Hòa của thành phố Biên Hòa. Đây được xem là con đường vận chuyển và đi lại khá quan trọng vì từ đây các phương tiện sẽ đổ ra theo hướng Quốc lộ I hay rẽ về hướng thành phố Hồ Chí Minh mang theo lượng hàng hóa cung cấp cho thị trường cùng với việc tạo điều kiện thuận lợi cho dân cư trong và ngoài vùng đi lại, trao đổi, làm việc, giao thương,...

Xưa kia con đường này khá hoang vu với những bụi cây um tùm và nhà cửa thưa thớt xung quanh. Nhưng cùng với sự phát triển của xã nhà, dân cư ở đây cũng dần đông đúc hẳn lên. Nay đi trên con đường không chỉ có màu xanh của cây cối mà còn có màu xanh của những ngôi nhà gạch tô và những gam

màu của sức sống mạnh mẽ. Cùng với sự tập trung dân cư sinh sống, các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các cửa tiệm, hàng buôn cũng được mở ra và phát triển ở hai bên đường một mặt tạo thêm công ăn việc làm cho người dân, một mặt góp phần xây dựng địa phương ngày càng phát triển hơn nữa.



Đồng thời, đây còn là một trong những con đường vận chuyển hàng hóa khá nhộn nhịp với các nguồn hàng từ mọi nơi đổ về và từ các cơ sở trong xã đến các vùng khác.

Có lẽ do vậy mà âm thanh của tiếng còi xe, tiếng động cơ từ lâu đã trở thành thứ âm thanh ngấm sâu vào mạch máu những ai từng sống, từng gắn bó bao thăng trầm cuộc đời mình với con đường này. Bởi đó là một phần không thể thiếu trong nhịp sinh hoạt hằng ngày. Còn với riêng tôi, đường Đoàn Văn Cự lại có một sắc màu khác. Có lúc thật ồn ào, náo nhiệt nhưng có lúc cũng yên ắng, tịch mịch, lặng mình cuộn trong hơi thở buổi sớm mai hay trầm tư dưới đèn ánh vàng vọt trong đêm thưa vắng những chuyến xe, trôi theo dòng suy nghĩ miên man của người lữ khách. Để rồi khi nhắc đến ai cũng có cho mình một tư vị riêng. Song dù là những tình cảm khác nhau nhưng tất cả đều có một điểm chung rất lớn có thể thấy rõ trên gương mặt mỗi người chính là niềm vinh dự khi con đường được mang trên mình tên vị anh hùng Đoàn Văn Cự.

2. Tiểu sử Đoàn Văn Cự.

Nhắc đến Đoàn Văn Cự chúng ta không khỏi xót thương cho một con người cả cuộc đời dành trọn ân tình cho quê hương xứ sở. Nhưng cũng rất đỗi tự hào về một người con đã chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp cho đến hơi thở cuối cùng cũng như những chuyện kể về ông còn mãi lưu truyền cho thế hệ tương lai noi theo và học tập.

Đoàn Văn Cự sinh năm Ất Mùi (1835) tại làng Bình An, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa (nay là quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) trong một gia đình khá giả. Ngay từ thuở nhỏ, Đoàn Văn Cự đã là người thông minh, học giỏi. Lớn lên, ông lại được thấm nhuần tư tưởng của những nhà yêu nước và

cụ thân sinh. Cùng với tinh thần chống thực dân, ông đã có nhiều hoạt động phản kháng và bị thực dân Pháp theo dõi. Vì thế, khi lập gia đình, ông đưa vợ con đến sinh sống tại rừng chồi Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu, thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Biên Hòa xưa (nay là phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa), nơi có ít tai mắt quân giặc. Tại đây, Đoàn Văn Cự mở các lớp dạy học và làm nghề bốc thuốc gia truyền, kiêm luôn xem bói tướng cho người dân nên được nhân dân gọi bằng cái tên trù mền ông thầy Cự. Hàng ngày, ông ăn mặc giống như một người tu hành, sống hiền hòa, lương thiện và được nhiều người trong vùng kính nể. Nhờ vậy, ông tránh được tai mắt thực dân Pháp trong một thời gian và có thể bí mật tuyên truyền, chiêu tập những người dân có cùng chí hướng.

Dưới hình ảnh của một thường dân với lối sống bình dị, chan hòa, Đoàn Văn Cự đã tạo được uy tín đối với cộng đồng người tại Bung Kiệu. Từ đây, ông bắt đầu gây dựng Thiên Địa hội, một tổ chức hoạt động có ảnh hưởng sâu rộng ở vùng miền Đông Nam Bộ những thập niên đầu thế kỷ XX trong công cuộc chống thực dân Pháp. Lúc này, Đoàn Văn Cự đã bước sang tuổi 67. Vào thời điểm ấy, hưởng ứng các bang hội khác, nhiều cuộc nổi dậy kháng Pháp đã diễn ra. Điển hình như Trương Công Định chiêu mộ quân sỹ và lập căn cứ tại Gò Công (Tiền Giang) hay Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu quân Pháp trên dòng sông Vàm Nhật Tảo huyền thoại. Cùng với đó là hàng loạt các cuộc nổi dậy dưới "mác" Thiên Địa hội hay hội kín.

Mặc dù có lúc phải hoạt động âm thầm nhưng Thiên Địa hội vẫn luôn nung nấu trong mình ý chí lớn lao, đó là chí chống quân thù, mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân. Hiểu rõ mục đích và lời kêu gọi chống thực dân Pháp của Đoàn Văn Cự, đông đảo người dân trong vùng hưởng ứng nhiệt tình, nhất là lớp thanh niên, trai tráng. Cứ thế, thời gian trôi qua, lực lượng Thiên Địa

hội của Đoàn Văn Cự ngày một mạnh và đông lên. Họ được ông chỉ giáo về nghĩa khí giang hồ, về lòng yêu nước và nhiệm vụ phải làm là đuổi thực dân Pháp đem lại ấm no, hạnh phúc cho muôn dân. Ông Nguyễn Quang Toại- Phó giám đốc sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh cho biết, trong khoảng 3 năm, từ 1902 - 1905, lực lượng Thiên Địa hội đã rất đông, khắp nơi đều có tín đồ, thành viên. Họ giao tiếp và nhận diện nhau thông qua những ám hiệu, ám khí. Về việc liên lạc, thông tin được Đoàn Văn Cự quy định rất chặt chẽ, điển hình như :

"Dù mang bên Tả, Đảng viên

Đi việc cơ mật nói riêng chủ nhà

Dù mang cái móc trở ra

Bàn sơ chút việc ghé qua đi liền

Dù mang cái móc trở vô

Phải lo cơm nước với đồ nghỉ ngơi".

Thời ấy, từ Bình Đa, chợ Chiếu ở Hiệp Hòa đến tận khu vực núi Nứa của Bà Rịa là cả một vùng rộng lớn đều có tay chân của Thiên Địa hội. Trong Thiên Địa hội của Đoàn Văn Cự có rất nhiều anh hùng hảo hán hay những tay giang hồ cự phách, những tên trộm cướp khét tiếng cũng được ông thu nạp và giáo huấn, trở thành những dũng tướng trong bang hội, cùng nhau dốc hết sức phò tá Đoàn Văn Cự, quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại tự do.

Sau khi quy tụ được đông đảo anh hùng hảo hán khắp nơi cùng sự ủng hộ của bà con nhân dân, Đoàn Văn Cự cùng các thành viên trong bang hội đã

tích cực chuẩn bị mọi mặt để làm chuyện lớn. Việc đầu tiên được Thiên Địa hội chú ý chính là lương thực và vũ khí. Để có lương thực, ông ra sức kêu gọi nhân dân đóng góp và tích trữ tiền bạc mua lương thảo. Về phần binh khí, ngoài việc tìm mua thì ông cũng cho xây dựng lò rèn làm gươm, giáo, mác. Mặt khác, Đoàn Văn Cự còn cho anh em trong bang hội tập luyện võ nghệ, thao dượt binh pháp.

Cứ thế, các hoạt động của Thiên Địa hội nhất loạt theo kế hoạch của bang chủ Đoàn Văn Cự. Lực lượng này ngày càng quy củ và lớn mạnh cả về số lượng cũng như sự gan lỳ, dũng mãnh và kỹ năng tác chiến. Rồi từ chỗ hội kín, Thiên Địa hội của Đoàn Văn Cự dần dần ra hoạt động công khai tại cánh rừng Bung Kiệu. Cũng chính từ đây, thực dân Pháp đã cho mật thám theo dõi. Theo thời gian, chúng dần biết được Thiên Địa hội và những mục đích thực sự của tổ chức này do bang chủ Đoàn Văn Cự đứng đầu. Kể từ đó bọn thực dân quyết tâm xóa bỏ hội từ trong trứng nước. Và một kế hoạch tiêu diệt bất ngờ đã được vạch ra.

Đến sáng ngày 12/4/1905 (dương lịch, tức là ngày mồng 8/4 (âm lịch)), một tiểu đội lính mã tà do tên sen đầm chỉ huy được trang bị đầy đủ vũ khí hiện đại vào thời bấy giờ kéo xuống bao vây căn cứ Bung Kiệu. Nhận được tin báo, bang chủ Đoàn Văn Cự cho triệu tập các thành viên trong bang hội sẵn sàng nghênh chiến và cử các tướng Hoàng Mè, Hoàng Giáp chỉ huy chuẩn bị đón đánh giặc.

Tuy nhiên, anh em trong bang hội mật phục từ sáng tới chiều tối cũng không thấy tiểu đội Mã Tà xuất đầu lộ diện. Do phần vì cả ngày phải mai phục, anh em nghĩa binh vẫn chưa ăn uống gì, phần vì Đoàn Văn Cự nghĩ rằng, bọn địch đã tạm hoãn kế hoạch tiến vào Bung Kiệu nên hạ lệnh cho anh

em về nghỉ ngơi. Nhưng khi các vị trí vừa rút xong thì bất ngờ quân Pháp kéo tới rầm rộ, bao vây cả cánh rừng Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu. Dưới sự chỉ huy của tên đại úy, chúng cho mai phục khắp nơi trong thôn, bao vây hoàn toàn căn cứ của Thiên Địa hội. Thậm chí, chúng còn mai phục trên diện rộng, từ bờ suối Linh đến suối cầu Khi. Khi đã siết chặt vòng vây, sẵn sàng cho cuộc tiêu diệt Thiên Địa hội thì tên đại úy cùng thông ngôn và hai tên vệ sĩ tiến tới nhà Đoàn Văn Cự.

Biết được chuyện chẳng lành, Đoàn Văn Cự đã bình thản trong trang phục chỉnh tề ra nghênh đón. Khi tới trước cửa nhà, bọn chúng thấy ông đứng uy nghi, oai phong với đầu chít khăn lụa điều, mình lại thắt dây đai màu hồng và dắt đoản đao đầu hổ. Lúc này, tuy đã ngoài 70 nhưng trông ông vẫn còn tráng kiện, oai vệ. Ông đứng ngay bàn thờ tổ, thấy 4 tên xông vào nhà, vẫn không nói lời nào chỉ rút đoản đao mà nhắm thẳng tên đại úy, lao tới chém liền mấy nhát. Song, hấn lanh lẹ tránh kịp lưỡi đao chí mạng nhưng cũng bị đứt vành tai và cánh tay trái bị thương. Thoát chết trong gang tấc, sau khi lấy lại được thể, hấn rút súng và bắn một loạt đạn về hướng cụ, cụ đứng được một lúc thì ngã xuống trên vũng máu với vẻ hiên ngang của một trang võ tướng.

Tiếp đó, chúng cho lính xả súng xối xả vào nhà cụ cũng như những ngôi nhà lân cận, đốt phá kho lương thực. Người ta nghe kể lại rằng, lúc ấy súng nổ vang trời, lửa cháy ngùn ngụt, sáng cả một vùng vào đêm 8/4. Vậy mà vẫn chưa hẳn an tâm, giặc còn cho lính đứng giám sát việc tiêu diệt căn cứ Thiên Địa hội. Đến tận khuya hôm đó, chúng lại cho một toán lính khác đến thay thế và giám sát, kiên quyết không cho một thành viên nào của Thiên Địa hội có cơ may sống sót. Tuy nhiên, do thông thạo địa hình, lại được cụ Đoàn Văn Cự tính toán đường lui từ trước nên đã có rất nhiều người trốn thoát khỏi họng súng và lửa cháy của kẻ thù. Dù vậy, ngoài cụ Đoàn bị bắn chết cũng có thêm

16 người khác phải bỏ mạng trong đám cháy hay bị trúng đạn trong cơn tán loạn. Sự mất mát to lớn ấy đã khiến người dân vùng Vĩnh Cửu hết sức thương tiếc và đau buồn.

Mặc dù tổ chức và người lãnh đạo không còn nhưng không vì thế mà phong trào bị dập tắt thành tro tàn. Nổi theo chí lớn của Đoàn Văn Cự, các anh em nghĩa sĩ còn lại đành ngậm ngùi đưa tiễn các vị anh hùng đã xả thân và tiếp tục nuôi dưỡng lý tưởng kháng Pháp và biến nó thành hiện thực khi hòa mình vào cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc dưới ách thống trị của quân thù.

Trở lại với đêm 8/4 năm ấy, khi đã chắc chắn tiêu diệt được bang chủ và đồng đảng Thiên Địa hội, quân Pháp bắt dân làng khiêng xác cụ Đoàn và 16 nghĩa binh đi chôn tại một ngôi mộ tập thể gần đó. Ngôi mộ chung này hiện tọa lạc trên khu đất cạnh dòng suối Linh Tuyền (gọi tắt là suối Linh), thuộc phường Long Bình, cách trung tâm thành phố Biên Hòa chừng 8km. Ban đầu, chỉ là một ngôi mộ đơn sơ. Và đến trước năm 1975, vì nằm trong khu căn cứ quân sự Long Bình, nên ngôi mộ không thể được sửa sang hay thăm viếng, cho mãi đến năm 1990 thì mới được xây dựng bề thế như hiện nay. Ngôi mộ hiện có hình chữ nhật dài 16,5m, rộng 2m cao 0,75m được bảo vệ bởi hai vòng rào bằng gạch, có cổng ra vào. Phía sau là một ngôi miếu nhỏ thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh xây dựng từ năm 1956, cách phần mộ khoảng 1km về hướng Đông Bắc tọa lạc trên khu đất bằng phẳng, rộng gần 3000m², thuộc phường Tam Hiệp (thành phố Biên Hòa) trên Quốc lộ 15 với lối kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡), gồm hai phần chính: nhà võ ca (303,75m², đối diện với đền thờ chính) và chánh điện.



Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh tại phường Tam Hiệp.

(tác giả trong ảnh)

Bên trong có sân khấu nhỏ dùng để hát bội trong những dịp lễ đền. Mặt sân khấu đối diện với chánh điện.

Trước khi vào chánh điện phải qua nhà bái. Đây là nơi khách thập phương ra vào hành lễ, diện tích 75,465m², mái lợp ngói móc, nền cao 0,5m xây bằng đá ong lót gạch bông, được chia làm ba gian, mỗi gian đều có bàn hương án. Trước đền có cặp lý ngư hoá long châu mặt trời, biểu tượng cuốn thư cây giáo, hai bên là hai con rồng bằng gốm men xanh.

Nối tiếp nhà bái là chánh điện, diện tích 129,87m² gồm bốn mái lợp ngói móc, trên nóc có cặp rồng châu pháp lam, chia thành ba gian bởi những hàng cột gỗ sao, trên cột đều có liễn đối. Gian chính giữa thờ thần, bàn hương án bằng gỗ khắc chạm rồng châu mặt trời, chim muông... được sơn son thếp

vàng, hai bên là hàng bát bửu. Hai gian bên thờ tả hữu ban liệt vị. Dọc mặt tường tả hữu thờ Tiên hiền, Bạch mã, Tiên sư, Thổ công.

Phía sau chánh điện là nhà khách và nhà bếp. Nơi đây dùng để tiếp khách và nấu ăn trong những ngày lễ trọng.

Đáo lệ hàng năm, đến ngày 8 tháng 4 âm lịch, nhân dân địa phương đều thiết lễ giỗ bằng một độ tế rất long trọng, tưởng nhớ hùng khí của Đoàn Văn Cự và 16 tử sĩ vì đại cuộc xả thân.

Chính vì những giá trị lịch sử to lớn ấy, mộ và đền thờ Đoàn Văn Cự được Bộ Văn hóa - thông tin xếp hạng di tích *lịch sử văn hóa cấp quốc gia* tại Quyết định số 722/QĐ-BVHTT ngày 25 tháng 4 năm 1998.



Cùng với đó đề ghi công Đoàn Văn Cự, trước năm 1975, chính quyền tỉnh đã lấy tên ông đặt tên cho một khu cư xá và một con đường nối liền Quốc lộ 1 (nay là Quốc lộ 1A) và đường liên tỉnh 24. Hiện nay, tên ông cũng được dùng để đặt tên cho một con đường ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (đoạn nối từ đường Phạm văn Thuận đến đường Đồng Khởi).



Một góc đường Đoàn Văn Cự tại thành phố Biên Hòa.

3. Những bài học sâu sắc về vị Quốc công của nhân dân Đồng Nai.

Có lẽ khi đọc những trang viết về người anh hùng Đoàn Văn Cự ai cũng có cho riêng mình những dòng suy nghĩ. Cá nhân tôi cũng vậy. Sự hy sinh anh dũng, bất khuất của ông và những nghĩa binh không chỉ để lại tiếng thơm cho muôn đời sau mà còn là một sự phản chiếu rõ nét cho những hội kín yêu nước vào thời kì đầu của thế XX trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Nam kỳ. Và hơn tất cả, gương ông đã trở thành bài học vô giá cho mỗi

chúng ta học tập, noi theo trong hoàn cảnh mới của nước nhà nói chung và tỉnh nhà nói riêng.

Dù hơn một trăm năm đã trôi qua nhưng câu chuyện về lòng yêu nước, về cuộc đời ông tưởng chừng như vừa mới diễn ra ngày hôm qua, vẫn còn nguyên hơi thở của thời đại. Tôi thấy mình thực sự may mắn khi có được niềm vinh dự tìm hiểu về ông cũng như được đến viếng thăm khu di tích đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh nằm trên đường Phạm Văn Thuận ở phường Tam Hiệp thành phố Biên Hòa. Hơn thế nữa, đó còn là dịp cho tôi tìm về những dấu tích xưa, tìm về những con người xưa trên mảnh đất Đồng Nai để khắc nhớ một thời đã qua đẫm máu và thấm tình. Để khi trở về tôi biết tuổi trẻ chúng tôi nên sống và làm việc sao cho xứng đáng.

Trong khoảng thời gian đi tìm tư liệu tôi may mắn được nghe kể lại câu chuyện cuộc đời lắm những thăng trầm của ông. Chuyện rằng để tránh tai mắt của kẻ thù sau khi lập gia đình ông đã cùng vợ con về miền Vĩnh Cửu sống những tháng ngày bình dị, đơn sơ bằng việc bốc thuốc, dạy học và xem bói cho nhân dân. Người ta bao giờ cũng thấy một Đoàn Văn Cự hiền lành, lương thiện trong cách ăn mặc như một thầy tu. Chính sự gần gũi, chan hòa này của ông đã được không ít người ngợi ca, thán phục. Nhưng câu chuyện về người anh hùng ấy không chỉ dừng lại ở đó mà nó còn được kể tiếp bằng những năm tháng nuôi chí chống quân thù. Đối với một người phải rời xa quê hương tưởng chừng người ta như chỉ mong một cuộc sống bình yên song với ông trong lòng vẫn còn nặng trĩu mối nợ nước của đất nam nhi. Bởi vậy mà một mặt ông san sẻ cùng nhân dân, hòa mình vào nhân dân; một mặt ông âm thầm tụ họp nghĩa sĩ khắp nơi chờ ngày vùng lên. Rồi đến khi trút hơi thở cuối cùng ông vẫn trong trang phục chỉnh tề nhất, anh dũng đối mặt với kẻ thù, giữ trọn khí tiết của bậc trượng phu đầu đội trời chân đạp đất. Và cũng chỉ bằng

vài nét đơn sơ ấy thôi cũng đủ để phác ra một chân dung rất đẹp khắc sâu vào tâm khảm mỗi người, để lại nơi lòng người bao suy nghĩ không nguôi. Với riêng tôi đó không đơn thuần chỉ còn là câu chuyện về một đời người, mà trên hết nó đã trở thành ngọn đuốc rực sáng soi rọi con đường phía trước cho những ai đang phấn đấu vì ước mơ, khát vọng tốt đẹp. Song không chỉ dừng ở đó, qua tấm gương của ông tôi còn học được sự giản dị trong cuộc sống hằng ngày và lòng yêu nước được bước ra từ những hành động thiết thực nhất đối với Tổ quốc mình. Và tôi cho rằng đó cũng chính là những điều vô cùng quan trọng đối với mỗi người, đặc biệt là những người trẻ như chúng tôi.

Trước hết, xin mạn phép cho tôi nói về sự giản dị mà tôi đã học được và nguyện mãi mang theo trong cuộc hành trình đời mình.

Giản dị là một trong những bài học đầu đời chúng ta đã được dạy khi bước vào cuộc sống bởi nó định hướng khá nhiều cho cách sống mỗi cá nhân, góp phần làm nên nhân cách con người. Đó là một đức tính tốt đẹp về phong cách sống và cũng là một điều rất cần thiết đối với mỗi người vì lẽ sống giản dị đem đến cho chúng ta một cuộc sống vô cùng ý nghĩa. Nó giúp ta biết sống khiêm nhường, hòa đồng với mọi người xung quanh, biết cách làm cho đời tư của bản thân nhẹ nhàng không những vướng bận theo dòng xoáy của cuộc sống hiện đại. Đồng thời, sống giản dị còn giúp ta biết cư xử, mở lòng, hòa mình vào thế giới xung quanh mà bước ra khỏi vỏ bọc của bản thân.

Và hơn ai hết, tôi đã và đang trải qua những tháng ngày xa nhà, xa gia đình phải tự bắt đầu một cuộc sống mới ở một thành phố năng động, trẻ trung nhưng cũng rất phức tạp như thành phố Hồ Chí Minh thì lối sống này đã giúp ích tôi rất nhiều. Nó dạy tôi biết sử dụng đồng tiền thật thông minh và hiệu quả, biết thế nào tiết kiệm cho những chi phí của đời sống sinh viên nhưng

đồng thời cũng dạy cho tôi biết rằng không nên co cụm đồng tiền khi có những việc cần thiết phải giải quyết. Dần dần tạo nên trong tôi thói quen cân nhắc mọi sự việc trước khi thực hiện và hình thành cho tôi một lối sống lành mạnh, không đua đòi xa hoa.

Không chỉ dừng ở đó, lối sống này còn mang lại cho tôi rất nhiều bài học khác. Ví dụ như tôi biết tiết kiệm quỹ thời gian của mình hơn và dùng nó thật hợp lí. Nhờ thế mà việc học cũng như những hoạt động khác của tôi đều rất nhẹ nhàng, và không bị lãng phí nên kết quả đạt được luôn làm tôi hài lòng. Cùng với đó, tôi biết được rằng sống giản dị chính là biết cách đánh giá đúng hoàn cảnh của bản thân để xây dựng cho mình hướng đi đúng đắn cũng như kiên trì với ước mơ đang theo đuổi. Không chỉ có vậy, lối sống này còn cho tôi thấy được rằng giản dị còn là sự giản dị trong từng trang phục, tác phong và lời nói mà chúng ta thể hiện sao cho phù hợp với từng hoàn cảnh. Nó giúp chúng ta luôn hòa đồng chan hòa với mọi người xung quanh. Từ đó tạo nên những tình cảm rất đẹp giữa người với người để ai cũng có thể biết cách lắng nghe, chia sẻ, tương trợ,... người khác khi họ cần một bàn tay.

Tuy nhiên sự giản dị không chỉ đơn thuần là chỉ được thể hiện bằng những hành động mà nó còn được thể hiện cả trong suy nghĩ. Bởi lẽ nó là sự kết hợp vẻ đẹp bên trong và bên ngoài của con người.

Có lẽ vì điều ấy đã giúp tôi có cái nhìn chân thực hơn và biết cách xác định cho mình một lối sống lành mạnh để nhận lại rất nhiều từ chính những gì tôi đã học được và áp dụng chúng trong nếp sinh hoạt hằng ngày của mình. Đó là những sự yêu mến từ mọi người, là sự giúp đỡ những khi gặp khó khăn. Đó là những cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát trong cuộc sống của bản thân. Hay đơn giản nó chỉ là những hài lòng cho cuộc sống hiện tại để có thêm động lực

bước tiếp con đường mình đã chọn. Hơn thế tôi còn biết mở lòng mình rộng hơn, biết trân trọng hơn cuộc sống hơn để mỗi sớm mai thức dậy đều hạnh phúc đón nhận một ngày mới.

Và bài học thứ hai mà tôi muốn nói đến là bài học về lòng yêu nước qua những việc làm của người anh hùng Đoàn Văn Cự.

Nói đến lòng yêu nước là nói đến truyền thống quý báu của dân tộc ta tự ngàn đời, tựa như câu nói của Bác Hồ: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.[...]. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”. Có thể nói, lòng yêu nước đã ngấm sâu trong từng mạch máu mỗi người con Việt Nam, trở thành “ một tình cảm rất đỗi tự nhiên, một sức mạnh và động lực cho phát triển bền vững của dân tộc”. Do vậy mà ở bất kì thời đại nào thì lòng yêu nước vẫn luôn tỏa sáng rực rỡ. Nhưng ở mỗi thế hệ thì tình yêu ấy lại được thể hiện một cách khác nhau. Có người yêu nước bằng việc tăng gia sản xuất. Có người yêu nước bằng việc cầm súng ra nơi tiền tuyến chống quân thù. Và cũng có người yêu nước bằng lời ca tiếng hát,... Song dù là hành động và cách thức như thế nào thì cũng đều chung một điểm đó là hướng về Tổ quốc bằng lòng yêu đẹp đẽ nhất. Còn với Đoàn Văn Cự, lòng yêu nước trước tiên là lòng yêu nhân dân, sau là hành động vì lí tưởng cao đẹp, chống giặc ngoại xâm, giành lại cuộc sống yên bình. Điều đó đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc. Nó giúp tôi hiểu rằng, yêu nước không chỉ có đứng trước kẻ thù hiên ngang chiến đấu mà sống đẹp, sống đúng nghĩa cũng chính là một cách yêu nước nồng nàn.

Hiểu rõ điều đó tôi càng cố gắng, nỗ lực học tập và rèn luyện nhiều hơn. Cùng với việc trau dồi kiến thức chuyên ngành thì tại ngôi trường đang theo học tôi cũng có dịp tham gia một số hoạt động vì cộng đồng. Và tôi nghĩ đó cũng là một hành động thiết thực để thể hiện lòng yêu nước vì qua mỗi hành

động như vậy tôi lại mang về cho mình đôi điều lẽ sống, cách nhìn và quan trọng hơn tất cả tôi hiểu được rằng hành động vì người khác cũng chính là hành động vì bản thân, giúp đỡ người khác cũng chính là giúp đỡ chính mình. Đó đồng thời cũng là một cách để thắt chặt tình dân tộc, góp phần tạo nên sự đoàn kết cùng nhau xây dựng đất nước mình.



Chương trình Tiếp sức mùa thi 2016 tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.(tác giả trong ảnh)



*Chiến dịch Xuân tình nguyện trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Thành phố Hồ Chí Minh.(tác giả trong ảnh)*


Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang vươn mình hội nhập, cùng bạn bè bốn phương bay lên trên con đường phát triển thì lòng yêu càng được thể hiện mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Và với những người trẻ như tôi, thì sứ mệnh mang dân tộc Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu càng to lớn bởi lẽ trong quá trình hội nhập không chỉ là những cơ hội mà còn chứa đựng vô vàn thách thức. Do đó lòng yêu nước lại mang một dáng vẻ mới chứ không chỉ còn là chiến đấu với kẻ thù như các thế hệ cha ông. Giờ đây nó được thể hiện qua việc xây dựng tinh thần dám nghĩ, dám làm; tư duy độc lập, sáng tạo trong học tập và lao động; tinh thần vượt khó, nỗ lực cống hiến sức mình cho đất nước cũng như giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa đậm đà bản sắc của dân tộc để không chỉ là tiếp nhận những điều tốt đẹp từ bên ngoài góp phần

làm giàu thêm nền văn hóa nước nhà mà còn góp phần mang hình ảnh Việt Nam bay xa, bay cao trên bầu trời thế giới.

Cùng với sức trẻ cả nước, trong vai trò là một sinh viên ngoại ngữ tôi càng thấm thía hơn bởi lẽ trong quá trình hội nhập thì ngôn ngữ lại trở nên vô cùng quan trọng. Bởi nó là cầu nối giữa các quốc gia, dân tộc, là phương tiện để các quốc gia dân tộc thấu hiểu nhau nhiều hơn. Và chúng tôi sẽ là những người gián tiếp góp phần tạo nên điều ấy thông qua công việc của mình. Đó đó, lòng yêu nước với tôi còn là sự học tập và trau dồi không ngừng để nắm vững chuyên ngành sau này góp phần dựng xây đất nước.

Nhưng trước hết với tư cách là một công dân tôi ý thức được rằng lòng yêu nước phải được bắt nguồn từ những hành động thiết thực như nâng cao ý thức của bản thân về các vấn đề xã hội quan tâm, trang bị cho mình những kỹ năng mềm, biết quan tâm đến mọi người xung quanh,.. để không chỉ góp phần làm cho xã hội phát triển hơn mà còn tạo cho mình một lối sống tốt đẹp.

Có lẽ trong mỗi chúng ta khi tìm hiểu về vị Quốc công của nhân dân Đồng Nai ai cũng có cho riêng mình những cảm nhận và đôi điều tâm đắc để học tập và noi theo. Với bản thân tôi, ấy là hai điều tôi tâm đắc nhất. Đồng thời cũng là hai bài học tôi nguyện khắc ghi và rèn luyện. Là một đoàn viên thanh niên, với sức trẻ, tôi hi vọng có thể đi được nhiều hơn để trải nghiệm, học hỏi và san sẻ nhiều hơn đến những vùng đất mình sẽ đặt chân qua như những gì người anh hùng Đoàn Văn Cự đã làm được trong suốt cuộc đời mình. Chính điều ấy đã thôi thúc tôi phấn đấu từng ngày. Bởi mỗi người chỉ sống một lần duy nhất nên hãy “sống trọn vẹn cho tuổi thanh xuân không tiếc nuối”.

The background is a traditional East Asian ink wash painting. It depicts a misty, ethereal landscape. In the lower-left quadrant, a small boat with two figures is visible on a body of water. The right side of the image is dominated by the dark, slender stems and large, pale leaves of lotus plants. Several lotus flowers are in various stages of bloom, with delicate pink petals. The overall atmosphere is serene and historical.

**PHẦN II: SỰ KIỆN PHÁ KHÁM TÂN HIỆP
NGÀY 02 THÁNG 12 NĂM 1956 LỊCH SỬ.**

Câu hỏi: Hãy tường thuật sự kiện lịch sử trên địa bàn Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất trong kháng chiến chống Mỹ, hoàn toàn giải phóng miền Nam.

Trả lời:

Có ai đó đã nói rằng: “Ở Biên Hòa cuộc sống trôi qua như dòng sông vậy, lúc thì bình lặng, khi thì cuồn cuộn. Mỗi một thời điểm lại có một tư vị riêng”. Có lẽ do thế mà khi ngắm nhìn thành phố ai cũng cất cho mình những nỗi niềm thật sâu trong tâm khảm. Với những người hoài cổ, nhất là những ai từng chứng kiến bao thay đổi thịt da của nơi này thì càng đậm màu. Bởi ở Biên Hòa dường như dấu thời gian không thể chạm đến khi trong nhịp sống mới, giữa trăm ngàn tất bật thì ngay trong lòng thành phố mỗi dấu tích của lịch sử vẫn mãi vẹn nguyên giá trị, tạo nên cái sâu lắng nơi phố thị nhộn nhịp. Và trong số ấy ta không thể nào không nhắc đến một chứng nhân lịch sử rất đặc biệt- nhà lao Tân Hiệp, nơi diễn ra trận phá khám gây nên tiếng vang lớn thời chống Mỹ cứu nước.

1. **Nhà lao Tân Hiệp xưa.**

Tiền thân của nhà lao Tân Hiệp là một trại tù binh chiến tranh do thực dân Pháp xây dựng nhằm đàn áp phong trào cách mạng, xưa kia thuộc thôn Bình Trước, tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long. Nay thuộc phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Di tích tọa lạc trên khu đất trũng (trước đây là bãi tha ma) với phía bắc tiếp giáp Quốc lộ 1, Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, cách Sân bay chiến lược Biên Hòa và Ty Công an Biên Hòa khoảng 1km; phía nam giáp đường xe lửa Bắc - Nam, cách sông Đồng Nai khoảng 2km; phía đông cách xa lộ Biên Hòa và Tổng kho Long Bình khoảng 6km; phía tây giáp Suối Máu, xung quanh có một vài hộ dân

sinh sống. Nhà lao Tân Hiệp còn được biết đến với tên gọi “Trung tâm cải huấn” do chính quyền Mỹ – ngụy sử dụng để giam giữ những chiến sĩ cách mạng, đồng bào yêu nước và những người chống chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam.

Vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu của thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đã cơ bản đặt xong ách thống trị ở nước ta, chúng vạch ra chương trình xây dựng các cấu trúc hạ tầng gồm đường bộ, đường sắt, và tiến hành lập các đồn điền cao su, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp nhằm thực hiện chính sách khai thác tài nguyên thuộc địa, bóc lột sức lao động của dân bản xứ, vơ vét của cải về làm giàu cho chính quốc. Cho đến lúc này nơi đây vẫn còn là một khu rừng chồi được xen kẽ bởi vài mươi hộ dân cư, nhà tranh vách đất, sống bằng nghề đốn củi và hầm than.

Đến khi phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương ngày 9-3-1945, thì ngay ngày hôm sau tức mùng 10/3/1945, bộ máy chính trị của Pháp tại Biên Hòa đã hoàn toàn lọt vào tay Nhật. Để đề phòng sự tấn công của quân



Đông Minh và sự trở mặt của thực dân Pháp, Nhật tiến hành củng cố sân bay Biên Hòa, các kho tàng quân sự, lập thêm các đồn bót, đào hầm đào để bảo vệ các tuyến giao thông từ Vũng Tàu về Sài Gòn và từ Sài Gòn ra miền Trung. Bấy giờ, tại Tân Hiệp, Nhật dựng lên một đồn nhỏ để bảo vệ chiếc cầu bắc qua rạch Đồng Tràm và đoạn Quốc lộ I đoạn qua thị xã Biên Hòa, con đường huyết mạch đi vào Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Sau đó, ngày 23 tháng 9 thực dân Pháp trở lại xâm

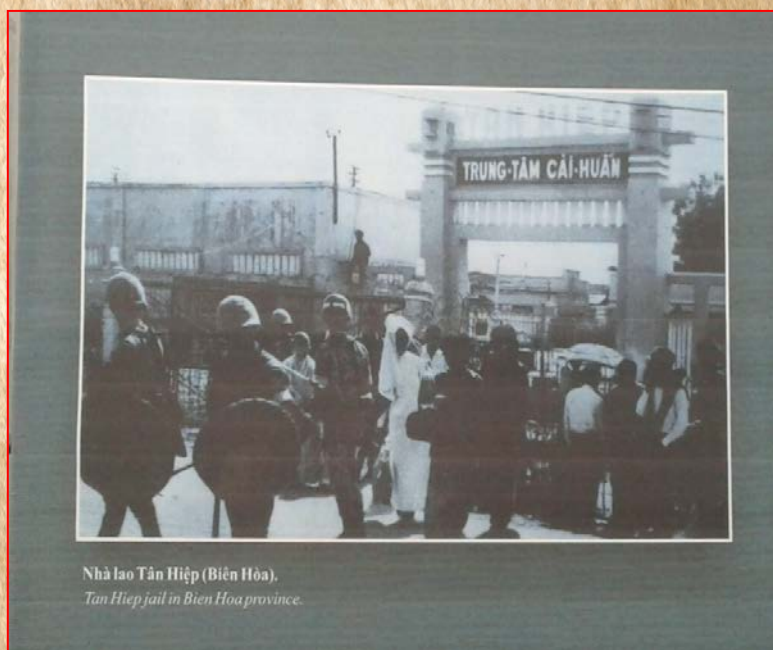
lược nước ta, trên cơ sở đồn binh nhỏ của Nhật, chúng củng cố lại, mở rộng đồn Tân Hiệp thành trại giam tù binh chiến tranh và đưa một trung đội lính lê dương đến trấn giữ với nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường Quốc lộ I và cơ sở nhà thương điên Biên Hòa.

Cũng trên tuyến đường này, ở khu vực Hồ Nai (cách Tân Hiệp khoảng 2km về phía đông), từ đầu năm 1946 thực dân Pháp cũng thiết lập một trại đóng quân của một đơn vị thiết giáp và một trại giam để giam giữ những cán bộ, chiến sĩ và du kích của ta bị chúng bắt được trong các cuộc hành quân càn quét.

Tuy nhiên, do quy mô cuộc chiến tranh ngày càng phát triển, trại giam Hồ Nai không đủ sức chứa hết tù nhân nên Pháp đã mở rộng đồn binh Tân Hiệp và biến nó thành trại giam “Tù binh chiến tranh” của tỉnh Biên Hòa và tồn tại cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp tháng 7-1954. Tiếp đó, sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7 năm 1954) đế quốc Mỹ công khai phá hoại. Chúng thiết lập bộ máy cai trị, thành lập chính quyền bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Cùng với việc ráo riết xây dựng bộ máy thống trị từ Trung ương tới địa phương, chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tiến hành khủng bố, bắt bớ, giam cầm số cán bộ chiến sĩ kháng chiến cũ, đồng bào yêu nước và các phe nhóm chính trị, quân sự không ăn cánh với chúng như: Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo bằng hàng loạt các chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” cũng như mở rộng hệ thống nhà tù, trại giam với chế độ hà khắc.

Nhận thấy nơi đây không những có đặc điểm địa hình thuận lợi cách biệt với bên ngoài, thuận tiện cho việc trung chuyển tù nhân từ các nơi khác đến và đi thì còn là vị trí quân sự then chốt nằm án ngữ phía đông thị xã Biên Hòa; lại đi dọc theo Quốc lộ I về hướng nội ô, cách xã Tam Hiệp 1km là Bộ

Tư lệnh sư đoàn dã chiến số bốn nguy, làm nhiệm vụ bảo vệ cửa ngõ phía Bắc Sài Gòn, đồng thời yểm trợ cho nhà tù Tân Hiệp khi cần thiết nên giữa năm 1955, nhà tù Tân Hiệp được chúng cải tạo, mở rộng. Đến khoảng một năm sau thì nhà lao Tân Hiệp cơ bản được hoàn tất và trở thành một trong sáu nhà tù lớn ở miền Nam Việt Nam.



(Quang cảnh trước nhà lao Tân Hiệp dưới thời chính quyền

Ngô Đình Diệm).

Nói về lý do coi nới nhà tù, trong một văn bản gửi Tòa Đại biểu của chính quyền cũ ở Nam phần, Sở Nghiên cứu Pháp chế Sài Gòn viết: “Trung tâm này trở thành một trại giam rất quan trọng mà trước đây ít ai ngờ. Người ta dự định chỗ để giam giữ tới 500 phạm nhân, can phạm mà thôi, không dè đến ngày nay (24-2-1956), số phạm nhân thu nhận đã trên 800, trong đó có hơn 600 Việt cộng, phần nhiều là thứ dữ. Song chưa hết, trung tâm này còn phải thu nhận thêm nữa”. Còn theo những tư liệu lịch sử thì tính đến trước ngày

2/12/1956, số tù nhân bị địch giam giữ ở đây đã lên tới 1872 người với phần lớn là những người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng bị bắt qua các trận càn quét từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ, đưa về đây để điều tra, phân loại trước khi đưa qua các nhà tù khác. Trong đó, có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước như nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm, kỹ sư Lê Văn Thả,..

Cũng từ đây, nhà lao Tân Hiệp được biết đến như một nhân chứng cho những tội ác và cáo trạng trong bản án dành cho quân giặc thông qua những gì được kể lại trong kí ức của những con người một thời phải sống trong không gian tù đày khủng khiếp ấy. Tại đó, chúng đã thi hành mọi nhục hình tra tấn tàn bạo và man rợ nhất thậm chí là tiến hành nhiều hoạt động dụ dỗ, mua chuộc đê hèn. Với chúng, hủy diệt sinh mạng tù chính trị là mục tiêu hàng đầu. Để lấy được lời khai và cải huấn những người tù cách mạng chúng đã sử dụng chiêu trò từ cải gián điệp đến áp dụng những hình thức vô cùng dã man như “đi tàu bay” (trói bắt chéo hai tay người tù về phía trước rồi treo bổng lên tra tấn. Hình thức này làm cho gân cốt kêu răng rắc, mắt nổi đom đóm, cảm giác như hệ thần kinh bị xé ra, tim ép lại, không thở được và dẫy chết.), “tàu lặn” (cột hai chân tù nhân lên trần nhà rồi cho đầu vào một thùng phi ngập nước cho đến khi tắt thở rồi làm hô hấp nhân tạo và tiếp tục tra tấn.), “tra điện” (cột chặt tù nhân vào một tấm ván hoặc bàn rồi dùng điện chích vào những huyết mạch làm ảnh hưởng rất lớn đến hệ thần kinh và gây di chứng đến sau này), hay những màn tra tấn đóng đinh châm kim vào móng tay, móng chân,...



Hình thức tra tấn “Đi tàu bay”.



Hình thức tra tấn “Tra điện”.

Ngoài ra, bọn cai ngục còn dùng các loại lựu đạn cay, vôi bột, bom lân tinh ném vào làm cho người tù ngất xỉu, phỏng toàn thân sau đó dùng thuốc xịt muối bom vào rồi lôi phạm nhân ra ngoài phơi nắng.



Hình ảnh phụ nữ bị đàn áp bằng lựu đạn lân tinh.

Thêm vào đó, chúng mở ra ba lớp tổ cộng với những lời lẽ như rót mật vào tai. Với những điều như: “Trung tâm huấn chính bao giờ cũng mở rộng cửa

cho các người biết suy nghĩ theo đường lối quốc gia”, hay dùng nhiều cách khơi gợi lòng ham muốn vật chất, tiền tài,... nơi các tù nhân. Nhưng đến khi mật ngọt không có tác dụng thì chúng chuyển sang hăm dọa hay đi vào từng trại giam, hỏi ai đi học thì ghi danh, ký tên, sau đó sẽ được chuyển qua trại khác, dễ thở hơn nhằm kêu gọi và làm lung lay ý chí những người theo cách



mạng để họ ly khai, phản bội lý tưởng. Và bất kể là ai khi đã vào học những lớp này đều coi như được “tẩy não”. Còn “ nếu tù nhân không chịu khai báo, bọn cai ngục cột chặt chân tay và bắt họ uống nước đá lâu ngày hay nước xà phòng... qua miệng và lỗ mũi. Khi tù nhân đã no, chúng nhảy lên bụng họ đập cho nước phụt ra đường miệng và mũi cho đến lã đi ” (đó là lời kể của ông

Võ Thế Đại - cựu tù chính trị bị giam ở nhà lao Tân Hiệp). Thậm chí nhiều tên ác ôn còn tuyên bố thẳng thừng: “ Chúng tao đánh cho bọn mày tàn phế, dù có về nhà cũng không làm được trò trống gì .”

Chính những hình thức tra tấn thâm độc ấy mà hơn 500 người đã bị chúng giết hại, hàng trăm người tàn phế. Nhưng khốc liệt hơn là bao di chứng còn ảnh hưởng đến các thế hệ sau. Có lẽ vì thế mà trong ấn tượng của bao nhiêu người nhà lao Tân Hiệp là hình ảnh của “địa ngục không bố, xây trên một địa ngục của những người đã chết.”

Mặc dù nhiều lần bị tra khảo bởi những đòn dã man nhưng tù nhân chính trị ở nhà lao Tân Hiệp vẫn luôn động viên nhau nêu cao lý tưởng cách mạng, tô rèn trong mình phẩm chất người cách mạng. Như vậy, những đòn roi của kẻ thù không những không khuất phục được ta mà trái lại trở thành vô dụng trước ý chí sắt đá và góp thêm những ngọn lửa căm thù trong ta.

Bên trong là vậy. Thế còn bên ngoài, Mỹ-Diệm đã làm gì để tạo cho nhân dân ta tin rằng chúng đang thực thi một nhiệm vụ, một nghĩa cử cao đẹp là “cải huấn” cho những tù nhân khôn khổ ấy? Đến đây ta mới càng thấy rõ ràng hơn bộ mặt của giặc bằng việc chúng tô lên một thứ màu sắc nhìn có vẻ tốt đẹp nhưng hoàn toàn là sự giả tạo, tàn bạo. Mỹ- Diệm đã tự khoác lên mình những lớp áo dày để che đậy bản chất thâm độc, xấu xa cũng như tội ác phản động nhằm tránh sự phản ứng tố cáo của Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế cũng như dư luận tiến bộ trong và ngoài nước bằng việc cải tên nhà tù Tân Hiệp thành cái tên mị dân là “Trung tâm huấn chính Biên Hòa”. Nhưng thực chất đây là địa ngục trần gian. Bởi theo nhiều nhân chứng kể lại, những người bị giam cầm hằng ngày phải chịu rất nhiều sự tra tấn một cách dã man về cả thể chất lẫn tinh thần(như một số hình thức tra tấn đã nêu trên) mà đến tận bây giờ họ vẫn còn bị ám ảnh không nguôi.

Nói đến nhà tù Tân Hiệp dưới chế độ Mỹ- Diệm là nói đến một trong những nhà tù quan trọng lúc bấy giờ. Do vậy, nơi đây đã được xây dựng khá kiên cố. Thời đó, nhà tù nằm trên một khu đất cát hình chữ nhật, địa hình ảm thấp và có diện tích 36.000 m² với chiều dài 200m , chiều rộng 180m được bao bọc xung quanh là hai lớp rào kẽm gai chằng chịt trên các trụ gỗ và hệ thống chín tháp canh.

Góc trái một tháp, ở giữa hai hàng rào bên trái là tháp hai và tháp hai bis, góc trái sau là tháp ba, ở giữa hàng rào sau là tháp bốn, góc phải sau cùng là tháp năm, giữa hai hàng rào bên phải là tháp sáu và tháp sáu bis, góc phải phía trước là tháp bảy. Các tháp canh đều được xây dựng bằng gạch, lợp tôle fibrociment. Trên các tháp một, ba, năm, bảy có trang bị trung liên F59(24x29), tiểu liên Mat 49 và súng trường Mas 36. Cửa cổng trại làm bằng thép dày, rộng 4m, cao 2,4m. Phía trước cổng chính qua lô một là nhà thăm nuôi cho thân nhân tù nhân. Từ cổng chính đi vào ba mươi mét, chính giữa là cột cờ, sau cột cờ là phòng làm việc của Ban giám đốc trại giam. Dãy nhà này chia làm bốn gian, gồm: phòng y tế, phòng giám đốc, phòng nhân viên và phòng đại diện của tù nhân. Phía sau là nhà ở của viên chánh Giám thị nhà tù. Tiếp đó là khoảng đất trống làm sân vận động và sân bóng chuyền. Bên phải từ cổng vào là đồn canh và kho súng đạn. Kế đến là các trại giam tù nhân, xếp theo hàng dọc với các trại: trại A, trại B, trại C, sau cùng là nhà ăn và nhà bếp.



Một trong chín tháp canh tại nhà lao Tân Hiệp.

Bên phải công chính là phòng ngủ của lính bảo an thay phiên canh gác trong đêm. Cạnh đó là nhà đèn. Tiếp nữa là nhà ở của viên Giám đốc nhà tù rồi đến các trại: E, D, G, trại tù nhân nữ. Sau cùng là giếng nước, nhà tắm và nhà vệ sinh. Còn đối với việc sinh hoạt, các tù nhân cũng phải tuân theo những quy định được đặt ra một cách cụ thể và rõ ràng trong các khung giờ.



Toàn cảnh nhà lao Tân Hiệp xưa.

Như vậy, toàn bộ nhà tù có bảy trại giam, được tổ chức nghiêm ngặt và quản lí khắt khe. Điều này cho thấy rằng chính quyền Mỹ Diệm rất chú trọng đến hệ thống nhà tù, một trong những công cụ thiết yếu phục vụ cho chúng.

Quay trở lại với nhà tù Tân Hiệp. Ta có thể thấy rằng, diện tích nhà tù không rộng nhưng được phân chia ra khá nhiều khu giam giữ. Do đó diện tích dành cho mỗi tù nhân lại càng thu nhỏ hơn, tạo nên không gian bí bức, ngột ngạt đặc biệt là khi số tù nhân bị giam giữ ngày một tăng lên đến ngưỡng cao độ 3000 người, nhất là từ sau tháng 7 năm 1956, khi mở màn chiến dịch “

Trương Tấn Bửu”, đánh vào phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ, các trại giam càng đông thêm trong khi mỗi trại chỉ có diện tích 198m² (dài 33m, rộng 6m), nóc lợp tôle fibro-ciment, xung quanh đóng vách ván, nền xi măng, mỗi bên có bốn cửa sổ đóng màn sắt và hai cửa ra vào ở hai đầu làm bằng gỗ, có khóa nhưng lại giam giữ một lượng khổng lồ các tù nhân. Ở mỗi trại địch phân lại chia số tù nhân ra từng loại khác nhau, với:

Trại A, giam tù nhân các giáo phái và lực lượng đối lập chống Diệm cùng những người đã chịu học tổ cộng do nhà tù tổ chức.

Trại B, giam các tù nhân từ các nơi khác chuyển đến chờ phân loại, lập hồ sơ chuyển đi nơi khác.

Trại C, là nơi ở của gia đình binh lính bảo an bảo vệ nhà tù.

Trại E, trại D, trại G giam giữ số tù nhân là cán bộ, chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước các tỉnh Nam bộ.

Trại ngoại khóa giam giữ tù nhân nữ.



Quang cảnh trại D và E trong nhà tù Tân Hiệp.(nguồn: trích trong cuốn Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp 2/12/1956.)



Trại giam phụ nữ tại nhà tù Tân Hiệp.(nguồn: Internet.)

Ở thời kì đầu, địch giao cho tù nhân làm nhiệm vụ “ tự quản” và cử ra một tổng đại diện. Mỗi trại có một trại trưởng, một trật tự viên, ghép mười hai tù nhân thành một tiểu đội, bầu ra tiểu đội trưởng. Nhưng sau đó, chúng lại thực hiện quy chế chọn người được chúng xây dựng trong số tù nhân để giao công việc trên. Điều này cho thấy sự xảo quyệt, tàn bạo của địch, góp phần vạch trần bộ mặt giả tạo của chúng.

Về mặt hệ thống tổ chức quản lí nhà tù cũng được chúng tổ chức khá đầy đủ và chặt chẽ, gồm có Ban Giám đốc, do Nha cảnh sát- Công an Nam phần bổ nhiệm, gồm Giám đốc(tên Thiếu úy Huỳnh Văn Tính), phó Giám đốc (Huỳnh Công Tường), chánh Giám thị(Nguyễn Văn Huè), Giám thị trại giam(Đặng Trọng Lịch), văn phòng có hai nhân viên công an và một tài xế cho giám đốc cũng là công an.

Lực lượng bảo vệ nhà tù có ba trung đội bảo an gồm 88 tên thuộc Nha Bảo an Nam phần, đặt dưới quyền chỉ huy của viên trưởng đồn bảo an(do Thượng sĩ Nguyễn Văn Huè đảm nhiệm) và một phó đồn(do Trung sĩ Đặng Đức Tài đảm nhiệm). Cùng với đó lực lượng bảo an quản lí và sử dụng kho súng với 89 khẩu và năm mươi quả lựu đạn do ba tên lính canh giữ. Mỗi canh gác là 2 giờ đồng hồ. Toàn bộ súng được đặt trên giá gỗ, có gọng sắt luồn qua ngang vòng cò súng và khóa lại. Ở đây địch cũng phân ra các ca gác để bảo vệ nhà tù với mỗi ca kéo dài 24 tiếng từ 17h45 phút ngày hôm trước đến 17h45 phút ngày hôm sau do 30 tên lính, được bố trí tại cổng ra vào ba tên vừa là chỉ huy ca gác, nhân viên ghi chép sổ gác và tên gác cổng đứng bên ngoài. Trên chín tháp canh có 27 tên lính. Sau khi hết ca gác lính gác nộp vũ khí vào kho. Ban đêm khi tù nhân đã vào trong các trại giam thì lính được phát súng mang về chỗ của mình.



Đòn canh và kho vũ khí của địch gần cổng vào trại giam.(nguồn: Trích trong cuốn Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp 2/12 /1956.)

Từ đó, thông qua việc sinh hoạt hằng ngày các chiến sĩ yêu nước của ta đã âm thầm quan sát và nắm được rõ tình hình cũng như không gian nhà tù để bí mật lên kế hoạch chuẩn bị cho cuộc phá khám lịch sử diễn ra vào ngày 02 tháng 12 năm 1956.

2. Những chuẩn bị cho ngày nổi dậy.

Trước bối cảnh lịch sử và tình hình trong trại giam lúc bấy giờ, các cán bộ, đảng viên trong nhà tù đã nung nấu ý định thành lập tổ chức Đảng để sinh hoạt và chuẩn bị thời cơ thuận lợi phá khám với mục tiêu trở về tiếp tục chiến đấu, hòa mình vào không khí chống quân thù ở ngoài kia, phía trước cảnh cổng trại giam là một bầu trời tự do.

Chính vì thế từ khi những đợt tù chính trị đầu tiên được đưa về nhà tù, các Đảng viên Cộng sản đã tìm cách liên lạc với nhau, thông qua sự quen biết từ trước hoặc được tin cậy giới thiệu nhằm tập hợp thành một tổ chức Đảng trong nhà tù. Buổi đầu chỉ hình thành cấp chi bộ cơ sở và cử ra Ban chỉ huy để trực tiếp lãnh đạo những Đảng viên, cán bộ đang ở tại trại giam giữ gìn khí tiết người Cộng sản và tiếp tục đấu tranh với địch ngay tại nhà tù. Cùng với đó, chi ủy ở mỗi trại như D, E, G có ít nhất một chi ủy viên phụ trách. Khi cần thông tin thì do tổ trưởng Đảng báo cáo trực tiếp với Bí thư chi bộ. Và đến lúc họp Chi ủy, tổ Đảng tranh thủ lúc địch cho tù nhân ra khỏi trại đi lao động hay trong giờ ăn để phổ biến mọi thông tin và những chỉ đạo của Chi ủy một cách nhanh gọn và bí mật.

Song, địch cũng vô cùng cảnh giác. Chúng biết được sự nguy hiểm từ bên trong nhà lao Tân Hiệp nên luôn luôn canh phòng cẩn mật cũng như theo dõi từng thái độ và hành động của anh chị em tù nhân trong các trại. Chúng thường sử dụng số tù thuộc các giáo phái, đảng phái đối lập hoặc những người đã từng học tổ cộng, quan sát nhất cử nhất động rồi báo cáo lại. Để đề phòng trường hợp địch cài người đóng giả tù nhân trà trộn lấy thông tin, các chiến sĩ trong nhà lao đã chủ định liên hệ với nhau bằng ám hiệu. Ông Nguyễn Văn Thông kể: “ Chúng tôi thường tranh thủ lúc ăn cơm hay sinh hoạt tập thể để liên lạc nhau. Việc này hết sức bí mật, phải dùng ám hiệu và chỉ trao đổi với những Đảng viên đã quen biết từ trước ”. Thông qua ám hiệu, Đảng ủy của nhà lao đã được thành lập do ông Nguyễn Trọng Tâm làm bí thư. Tình thế bấy giờ khiến Đảng ủy quyết định tổ chức vượt ngục để những người yêu nước sớm trở về hoạt động cách mạng. Đảng ủy chỉ đạo các trại giam phải tuyển chọn những đảng viên còn khỏe mạnh, xuất thân từ bộ đội,

du kích, có kinh nghiệm chiến đấu, nhất là bản lĩnh chính trị vững vàng để đưa vào lực lượng xung kích, làm nòng cốt cho cuộc nổi dậy phá khám.



Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân Nguyễn Trọng Tâm-nguyên Bí thư Đảng ủy nhà tù.

Sau một thời gian chuẩn bị, tổ chức Đảng trong nhà lao bằng đường liên lạc bí mật xin Liên tỉnh ủy miền Đông, Ban binh vận Xứ ủy tổ chức một cuộc phá khám. Một đội xung kích được thành lập khoảng 60 người do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên là Huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn là chính trị viên với nhiệm vụ: khi có lệnh một bộ phận chiếm ngay cổng gác, mở cổng trại, đánh vào kho vũ khí, lấy súng địch và nổ súng khống chế các lô cốt không cho địch bắn ra, tạo điều kiện cho anh em vượt cổng chạy qua Quốc lộ I. Một bộ phận khác sẽ khống chế tên Giám đốc tại nhà hấn, khống chế các giám thị, cắt đường dây liên lạc không cho chúng liên lạc với bên ngoài xin chi viện. Khi thoát khỏi sẽ giữ lấy súng vừa cướp được, bảo vệ các đoàn trở về căn cứ. Đồng thời, tổ liên lạc dẫn đường cũng được hình thành gồm có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Còn đồng chí Nguyễn Văn Chuộng

được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ; đồng chí Tư Sanh, một Đảng viên trung kiên được Đảng ủy phân công ở lại để tiếp tục đấu tranh với địch sau cuộc phá khám do sức yếu, không có khả năng vượt ngục.

Đến tháng 11-1956, mọi kế hoạch cho cuộc vượt ngục đã cơ bản hoàn thành và được giữ bí mật hoàn toàn. Theo đó, cuộc phá khám gồm có 4 mũi tiến công được phân công nhiệm vụ như sau:

Mũi thứ nhất: do đồng chí Tạ Quang Huy chỉ huy tấn công kho súng, mở đường qua Quốc lộ I.



Chân dung đồng chí Tạ Quang Huy.

Mũi thứ hai: do đồng chí Mìn, đồng chí Lem chỉ huy cướp súng cùng các chiến sĩ xung kích không chế địch ở các lô cốt phía sau trại giam.

Mũi thứ ba: do đồng chí Nguyễn Văn Lũy (tức đồng chí Hai Thông) và đồng chí Phan Văn Rô chỉ huy từ trại E đánh vào kho súng và văn phòng làm việc của Ban giám đốc trại giam.

Mũi thứ tư: do đồng chí Phạm Văn Còn, đồng chí Sỏi chỉ huy, tấn công nơi làm việc của Giám đốc, Chánh giám thị trại giam. Các đồng chí Hồ Phước Nhơn (Hồ Thảo) và đồng chí Tám Thạnh được phân công chặt đứt mọi đường dây điện thoại trong nhà tù.



Chân dung đồng chí Phạm Văn Còn.

Cũng trong lúc này, khoảng 300 đảng viên, cán bộ cốt cán đã được tuyển chọn, sẵn sàng phá ngục với thời điểm nổi dậy được ấn định là chiều thứ bảy, ngày 1/12/1956. Tuy nhiên, khi tất cả chỉ còn chờ lệnh xung phong để chiến đấu trở về tiếp tục phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân thì theo lời kể của một số cựu tù, đúng vào ngày này, một chiếc xe chở nhóm chỉ huy Đặc cảnh miền Đông(PSE) và rất nhiều binh lính của địch bất ngờ đến nhà lao. Những người tù cách mạng đều nín thở vì tưởng kế hoạch vượt ngục đã bị lộ. Lập tức khi đó, đảng ủy nhà lao mật báo đến tất cả trại giam bình tĩnh chờ lệnh. Từng phút, từng giờ trôi qua thật nặng nề. Nếu kế hoạch bị lộ thì địch sẽ tiến hành

thủ tiêu những tù nhân chúng nghi có ý định vượt ngục. Và cuộc phá khám đã được ấn định sang ngày hôm sau, tức chủ nhật ngày 2/12/1956.

3. Diễn biến cuộc phá khám Tân Hiệp lịch sử.

Chiều chủ nhật ngày 2/12/1956, nhà tù vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17h30 phút đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Đông nhất là các trại D, E, G. Một số anh em còn lảng vảng quanh sân và các góc gác. Tiếng cười nói vẫn vang lên như mọi ngày nhưng ở sâu trong đó là những băn khoăn giục giã trước giờ hành động bởi nỗi dậy phá khám, cướp súng của địch trở về với Đảng, với dân sẽ là một cuộc chiến đấu cam go, gian khổ và ác liệt.

Đến khoảng 17h40 phút tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích không ai bảo ai đều đã ở tư thế sẵn sàng. Các tổ xung kích áp sát các mục tiêu được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công vẫn được hoàn toàn giữ bí mật.

Đúng như nhận định của Đảng ủy, giờ giao điểm đôi gác của lính canh là lúc địch có nhiều sơ hở nhất. Mặt khác, cuộc nổi dậy phá khám lại đúng vào ngày chủ nhật cũng là thời điểm binh lính có phần chênh mảng hơn ngày thường. Ở chín tháp canh quanh nhà tù và trạm gác trước cổng thông thường có tất cả 30 tên lính chia đều cho các vị trí nhưng ở các cuộc giao ca vào buổi chiều chủ nhật ở mỗi tháp chỉ có một lính canh. Ở phòng gác chính cũng là kho vũ khí lúc này có mặt tên Trung sĩ Huỳnh Xuân Ba là Trưởng đồn kiêm Trưởng kho vũ khí và Binh nhì Nguyễn Văn Hy. Phía trước cổng chính có một tên lính canh là Nguyễn Văn Hai. Ở phòng kế cận có khoảng 90 tên lính.

Số lính hết ca trực đã nộp lại súng đạn và ngồi tán gẫu. Lúc này chỉ còn 12 lính trực. Số còn lại về với gia đình ở trại C hoặc la cà trong các quán.



Trận phá khám Tân Hiệp (Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bảo tàng Đồng Nai).

Do đang vào độ đông nên trời càng nhanh tối đã tạo cho ta những điều kiện hành động thuận lợi hơn. Lúc này, một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại, tiếp cận các mục tiêu. Số tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa thấp thỏm chờ đợi.

Đến 17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Min, Lém,... đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trời tên trưởng toán gác và dùng dao không chế, lấy toàn bộ vũ khí ở đây. Do quá bất ngờ nên bọn lính phòng kế bên không kịp ứng phó mà hốt

hoảng bỏ chạy toán loạn. Cùng lúc đó các tổ khác xông thẳng đến nhà tên Giám đốc trại. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế thì chạy đến cứu nhưng bị anh em ta đánh gục phải bò lê ra sau nhà tìm nơi trốn. Một bộ phận nữa thì xông thẳng vào văn phòng trại giam. Tại đây tên Thượng sĩ Nguyễn Văn Huệ chỉ huy bảo an đang ngồi trên bàn giấy, chưa kịp phản ứng đã bị ta bắt trời. Đồng thời trong một nhiệm vụ khác, đồng chí Tám Thạch và một đội viên đội xung kích đã nhanh chóng dùng xẻng chặt đứt dây điện thoại ở nhà tên giám đốc và văn phòng trại giam, không để chúng gọi quân tiếp cứu.



*Diễn biến cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp- một trong năm sự kiện được giới thiệu trưng bày tại phòng Đồng Nai đấu tranh giải phóng dân tộc 1954-1968
(nguồn: Cổng thông tin điện tử Bảo tàng Đồng Nai).*

Tuy khá thuận lợi và theo kế hoạch, nhưng cuộc phá khám không phải trong phút chốc mà thu được kết quả như mong đợi. Sau khi các mũi tiến công đã thực hiện nhiệm vụ cũng là lúc các cánh cổng trại được mở. Tù nhân từ các trại D, G, E ào ạt tuôn ra như nước vỡ bờ. Trước tình hình đó, tên lính gác Nguyễn Văn Hai đang đứng ngoài cổng chính giương súng bắn liền bị một

đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Tuy có một số anh chị em không được phổ biến trước nhưng khi thấy vậy cũng chạy theo. Do đó dòng người cứ như thế, mỗi lúc một đông. Song, trong lúc phá khám do quá khẩn trương và có phần nhầm lẫn mà cánh cửa chính cửa trại giam thay vì mở phải kéo vào thì lại bị cố sức đẩy ra nên chỉ mở được một cánh, còn cánh kia chỉ hé được một phần. Do đó dẫn đến sự ùn tắc, chen lấn gây trở ngại trên đường thoát ra, một số người phải công kênh nhau nhảy vọt qua hàng rào. Có người còn giẫm phải cọc sắt, gạch đá, dây kẽm gai,... dẫn đến bị thương. Cả một không gian sôi sục tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người.

Lúc này, ở một địa điểm khác, đồng chí Tư Sanh, đại diện công khai của tù nhân ở nhà tù, do sức khỏe yếu, được Đảng ủy phân công ở lại. Khi cuộc vượt ngục nổ ra, đồng chí chạy sang nhà tên Hít, nằm lại đó để giữ thế hợp pháp, đồng thời tìm cách tác động để kiềm chế, không để tên này hung hăng chạy ra ngoài gây thêm tội ác.

Cứ vậy, trong suốt mười lăm phút đầu lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính gác bị bất ngờ, vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn mạng sống mà không kịp có chống trả nào.

Tuy nhiên, đến hơn mười lăm phút sau, khi đã hoàn hồn, chúng vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Tên Trung sĩ Đặng Đức Tài, phó chỉ huy lực lượng bảo an bỏ nhào lên tháp canh số một, cùng tên lính gác Ngô Văn Hối, dùng trung liên bắn xối xả ra hướng cổng trại và ngoài sân banh. Tiếp đó, tên Thượng sĩ Nguyễn Văn Huệ ra lệnh cho lính ở tháp canh số hai bắn chéo ra ngoài lộ một. Khi đó, ở phía ta vẫn còn một bộ phận lực lượng xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Văn Lữ(tức Hai Thông), Phan Văn Rô, Tâm, Thức,...

đang vận động chạy về phía trại E, dùng súng bắn kiềm chế địch ở hai tháp canh số một và số hai, để cho anh chị em đang chạy đổ dồn ở phía trước cổng có điều kiện chạy thoát.

Rồi vài phút sau, tiếng súng ở tháp số hai thưa dần. Các đồng chí nhận định là địch sắp hết đạn, là cơ hội để nhanh chóng thoát ra ngoài. Nhưng ngay lúc đó đồng chí Phan Văn Rô bị trúng đạn và hi sinh. Vì tình cảnh cấp bách và không cho phép, các đồng chí còn lại đành gạt nước mắt vĩnh biệt đồng chí, vượt qua cổng trại băng qua lộ một và sân banh dưới làn đạn bắn đuổi. Cuộc phá khám với không khí sục sôi ấy theo mãi trong bước chân người tù chính trị năm xưa hòa vào thời gian...

Kết thúc cuộc phá khám ta đã giải phóng được hơn 460 tù nhân. Trong đó có rất nhiều chiến sĩ cách mạng được trở về với nhân dân, được tiếp tục chiến đấu, góp sức mình vào sự nghiệp giải phóng, giải quyết được vấn đề về lực lượng phục vụ cho cách mạng. Nhưng bên cạnh niềm vui ấy thì nỗi đau vô hạn khi mất đi những người con yêu nước thực sự là một nỗi đau to lớn. Song, chính điều ấy lại tiếp thêm sức mạnh, đốt thêm cho ngọn lửa niềm tin đến ngày giải phóng nơi bao người đang sống và chiến đấu ngày càng rực sáng hơn. Bởi lẽ sự hi sinh ấy đã trở thành biểu tượng cho những hiến dâng, rọi soi cho bao bước chân trên con đường lí tưởng dù các anh đã ra đi và không thể cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu nhưng với tất cả mọi người các anh như vẫn còn đây, từng giây từng phút chứng kiến sự đổi thay, và cùng nhau vui những niềm vui của non sông.



Danh sách 22 đồng chí hy sinh trong cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 02 tháng 12 năm 1956.

Trước hai làn đạn bắn xối xả của địch, gần ba mươi đồng chí vừa hi sinh vừa bị thương nặng nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và bên bờ suối. Trong đó có đồng chí Dương Tử Giang cũng bị thương nặng và cố lết đến bờ suối thì thi sinh, trên tay còn ghì chặt cây đàn ghita, vừa là một người bạn vừa là vũ khí chiến đấu của đồng chí suốt những ngày tháng bị giam cầm trong ngục tù đế quốc.



Chân dung nhà văn Huỳnh Văn Lữ và nhà văn Lý Văn Sâm- hai trong số hơn 460 cán bộ chiến sĩ và những người yêu nước bị giam giữ ở nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám trở về với cách mạng.

Chưa dừng lại ở đó, tên Lộc, một công an mật, khi đã hoàn hồn liền xách tiểu liên phóng ra lộ và sân banh, bắn chết tám đồng chí của ta đã bị thương nằm rải rác bên ngoài.

Như vậy, mặc dù không tránh khỏi những tổn thất về người(do trong một phần kế hoạch ta đã vạch ra thì khi đã dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường dùng súng đã cướp được nã vào các tháp canh số một và số hai nhằm khống chế hai khẩu trung liên đặt ở hai tháp canh để bảo vệ anh chị em tiếp tục thoát chạy. Song do sự ùn tắc của dòng người ra cùng một lúc quá đông nên không thể thực hiện được. Mặt khác, trong hoàn cảnh bí mật tuyệt đối việc phổ biến tác chiến cũng gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể nên khi

phát lệnh nhiều tổ xung kích lại cùng đánh vào một điểm) song cơ bản cuộc phá khám đã hoàn thành được những mục tiêu đã đề ra. Đó là tiến hành một cuộc phá khám tạo nên sự bất ngờ cho địch, hạn chế được những thương vong, giải phóng được một lực lượng xung yếu cho cách mạng. Và đặc biệt cuộc phá khám còn để lại trong lòng người những dư vị của tình đồng bào, đồng chí đồng đội. Bởi ngay từ đầu, Đảng ủy đã có chủ trương là không giết một tên lính nào nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của chúng đối với những người ở lại hoặc không ra được cũng như trước khi cuộc phá khám diễn ra người ta còn được thấy những hình ảnh của anh chị em tù nhân cùng nhau trau dồi văn hóa, cùng nhau tự giáo dục, động viên để giữ trong trong mình hùng khí người chiến sĩ. Do vậy, nơi đây không phải chỉ được biết đến với vai trò là một địa danh lịch sử mà còn được biết đến với vai trò là một chứng nhân cho ân tình giữa những con người chảy chung trong mình dòng máu Lạc Hồng.

4. Tình hình sau khi cuộc phá khám diễn ra.

❖ Về phía địch:

Do điện thoại ở nhà tù bị cắt ngay từ phút đầu, tên phó giám đốc trại phải tự thân chạy đến Bộ Tư lệnh sư đoàn đã chiến số bốn để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy, gần một giờ sau cuộc nổi dậy, chúng mới báo động được đến các nơi trong thị xã. Đến 19h lính sư đoàn mới đến được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo việc ổn định lại tình hình ở trại giam. Trong khi đó các tên Tư lệnh sư đoàn đã chiến bốn, Trưởng ty công an, Tỉnh trưởng bảo an,... đều vội vã kéo đến và cùng phối hợp lực lượng tổ chức hành quân truy kích, đồng thời cho gom số bị thương (bao gồm cả ta và địch) chở vào bệnh viện Biên Hòa và lấy khẩu cung. Và đến 19h30 phút tên giám đốc công an Nam Phần cùng với tên Mai Hữu Xuân, thiếu tướng tư lệnh chiến dịch “

Trương Tấn Bửu” đến xem tình hình tại chỗ. Chúng ra lệnh cho các lực lượng quân sự, công an các tỉnh, quận, nhất là quanh khu vực Biên Hòa như Trảng Bom, Công Thành (nay là huyện Vĩnh Cửu) triển khai lực lượng chốt chặn ở các nơi. Mặt khác, chúng chỉ đạo Ty hiến binh Biên Hòa điều tra các vụ vừa xảy ra liên quan đến cuộc nổi dậy của tù nhân. Tuy nhiên trước đó, lúc 18h30 phút toàn bộ tù nhân còn lại đã bị địch gom vào các trại, cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt. Còn tên giám đốc nhà tù để cố tình chạy tội với thượng cấp dù không bị ta đánh nhưng vẫn nguy tạo bằng cách bảo vợ cột chân vào chân bàn, cào cấu làm bị thương mặt mũi, xé rách quần áo.

❖ Về phía ta:

Khi đêm mỗi lúc một dày lên thì quang cảnh trại sau cuộc phá khám càng thêm xơ xác, lạnh lẽo với bầu không khí ngột ngạt và yên ắng. Hơn một ngàn tù nhân còn lại trong tâm trạng lo lắng, bàng hoàng, xen lẫn ở đó là những vui mừng bởi đã có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên được ra ngoài bổ sung nguồn lực cho phong trào cách mạng trong thời kì đen tối. Nhưng nỗi lo về số phận những người còn lại trong trại giam thì vẫn thường trực bởi họ không thể biết địch sẽ đàn áp, đày đọa ra sao. Mọi người ai nấy cũng phải chuẩn bị tư tưởng để đấu tranh với địch trong tình thế mới mà trước mắt là chịu sự khùng bố tàn bạo của địch để trả thù. Trong khi đó, vẫn còn sò sò thi thể hai đồng chí ta hi sinh, sáu đồng chí bị thương nặng nơi cổng trại, sân banh ven bờ suối Đồng Tràm.



Khung cảnh bên ngoài nhà lao Tân Hiệp, nơi các anh gửi thân mình ở lại.

Và nơi bên ngoài cánh cửa giam cầm ấy, sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở địa phương. Mặc dù bị địch truy đuổi gắt gao, mặc dù nhiều chiến sĩ đã hi sinh dưới làn đạn của kẻ thù nhưng bằng ý chí, sự tin tưởng vào Đảng vào cách mạng những con người kiên trung ấy vẫn vững vàng trên con đường trở về với ánh sáng lí tưởng mà không chút nao núng, run sợ. Và dưới sự giúp đỡ, đùm bọc của nhân dân họ đã vượt qua những thiếu thốn về vật chất, nguy hiểm về tính mạng để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ cao cả của mình, để mãi về sau tất cả đã trở thành những hồi ức vàng.

5. Cuộc phá khám trong lòng chúng ta.

Dù rằng cuộc phá khám có những mất mát và chưa thể giải phóng tất cả những tù nhân nhưng mọi mục tiêu chính như kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam,... đều bị lực lượng ta vào được và khống chế bọn địch ngay

từ những phút đầu. Sự kiện ngày 02 tháng 12 năm ấy đã tạo nên một tiếng vang lớn, trở thành mốc son sáng chói đánh dấu cho sự vùng lên mạnh mẽ của những lớp người nguyện đem tất cả tính mạng hi sinh cho quê hương.

Bao năm trôi qua, những câu chuyện của quá khứ cứ lắng dần trong dòng chảy vùn vụt của thời gian. Nhưng có những câu chuyện in sâu cả một đời người mà mãi về sau người ta không thể nào quên. Sự kiện ngày 02/12/1956 đối với những con người đã từng gắn bó với mảnh đất Đồng Nai, nhất là với những ai trực tiếp tham gia vào trận phá khảm lầy lùng ấy thì càng có sức sống mãnh liệt hơn.

Trở lại nhà lao, một địa chỉ đỏ cho mọi thế hệ, ai cũng mang theo câu chuyện của riêng mình. Tại đó, họ, lớp người đã chịu bao gông cùm, xiềng xích, trải qua bao đau đớn trong tay quân thù thì hôm nay trong dòng hồi tưởng về tháng năm xưa, mọi điều dường như chưa từng đổi thay.



Hình ảnh cựu tù chính trị thăm lại nhà tù Tân Hiệp.(nguồn: Internet.)

Nơi tâm trí họ, Tân Hiệp từ lâu đã trở thành cái tên của sự ám ảnh cho hàng loạt tội ác của những kẻ rêu rao vì tự do, công lí nhưng lại chà đạp lên quyền con người. Tất cả như thêm một lần nữa được tái hiện thông qua lời kể của những nhân chứng sống cho chiến tranh.

Bà Lê Thị Sên nhìn nhón cỏ khi kể lại cảnh tù nhân nhà lao Tân Hiệp lén lút bứt cỏ, nhặt lá cây, bắt côn trùng, thằn lằn để ăn. Những thứ này được xem là dinh dưỡng mà người tù tự “bồi bổ” cho mình ngoài khẩu phần chính được nhà tù phát là lưng bát cơm nấu bằng gạo mục lẫn đất cát và chút mắm thối đầy dòi bọ.

Không gian nhà giam trong trí nhớ bà Sên là căn phòng khoảng 200m², bốn bề bịt kín, không đủ không khí cho tù nhân thở. Ở góc phòng giam có đặt một thùng tôn để tù nhân đại, tiểu tiện. Mùi xú uế luôn nồng nặc cả phòng. Dù vậy, những lúc khát quá, tù nhân đành phải uống nước tiểu.



Chân dung vợ chồng ông Nguyễn Văn Thắng và bà Lê Thị Sên.

Còn với bà Huỳnh Lan Anh, ngụ tại Biên Hòa, một trong những nhân chứng của nhà lao Tân Hiệp kể, tại nhà lao Mỹ Diệm cho xây dựng nhiều nhà giam tập thể có diện tích hàng ngàn mét vuông, vô cùng kiên cố, chia ra nhiều phòng lớn nhỏ riêng biệt. Nhưng trước đó mỗi trại giam có diện tích 193m² trung bình giam 250-300 tù nhân. Và có lúc lên tới hàng ngàn người. Đối với tù nhân chúng tra tấn rất dã man. Với riêng tù nhân nữ, cũng hết sức khắc nghiệt, kể cả những ngày phụ nữ, bệnh tật cũng không được tắm giặt.

Chính chế độ tàn độc nơi lao tù ấy và đặc biệt là nguyện vọng trở về phục vụ cách mạng đã trở thành chất xúc tác quan trọng cho những người tù chính trị làm nên ngày lịch sử.

Với riêng đồng chí Đỗ Văn Chương- cán bộ địch vận Sài Gòn- Chợ Lớn, người từng giữ nhiều trọng trách thì khoảng thời gian chờ đợi giây phút tự do được trở về với anh em mình còn đang chiến đấu sau cánh cổng tù kia là khoảng thời gian thật khó quên. Ông viết: “Ngày hôm đó anh em chuẩn bị quần áo, có người mặc đến hai, ba bộ chỉ chờ ám hiệu là xung phong. Trong những giây phút này sao mà quan trọng hồi hộp đến thế... Cứ chờ mãi đến lúc bọn lính làm thủ tục chào cờ, sau khi chào cờ xong, ngày thường thì bọn lính bỏ súng vào kho rồi đi chơi, nhưng hôm đó chào cờ xong thì bọn lính lại quây quần chung quanh ngọn cờ. Phút giây chờ đợi thiêng liêng đó dần dần đi qua, mọi người nhìn nhau lo lắng không thấy ám hiệu mà hồi keng thu người vào trại đã đánh ra, mọi người nhìn nhau mắt dọc mắt ngang... Tiếng keng vừa dứt, tôi giả bộ đi tiểu để kéo dài giây phút chờ đợi, nhìn anh em lần lượt kéo nhau vào trại mà lòng tôi se lại, cửa trại đóng kín mà những đôi mắt vẫn hướng ra trông chờ. Cả đêm đó chúng tôi ngủ không yên giấc, cứ thao thức và nghĩ là bị lộ. Chờ đến sáng mọi việc vẫn diễn ra như cũ, lúc đó chúng tôi mới

thở phào nhẹ nhõm. Chỉ một ngày hôm sau(02/12/1956) là thực hiện được ý nguyện nung nấu của chúng tôi.”

“Nhưng sau đó, ngày 03/12 Mỹ- Diệm đã tăng cường lực lượng bảo vệ nhà tù, mở rộng và xây dựng kiên cố các trại giam bằng tường gạch; vòng rào thép canh cũng được xây dựng kiên cố hơn trước. Buổi sáng hôm ấy “ dịch đồn số còn lại vào các trại D,E, G đóng cửa không cho ra ngoài, không được tắm rửa, ăn cơm không đũa chén và ăn ngay trong trại. Và không thấy chúng tra tấn anh em ra sao, chỉ thấy chúng tôi hai anh em vượt ra bị bắt lại đánh đập trước mặt một số anh em vừa được giải đến để dẫn mặt”. (hồi ức của đồng chí Nguyễn Văn Sanh người được phân công ở lại công khai đấu tranh với địch).

Còn ở phía ngoài cánh cổng tù đày ấy, sau khi cuộc vượt ngục thành công những người chiến sĩ may mắn thoát khỏi đã tìm về với cách mạng. Song, con đường trở về cũng hết sức gập ghềnh. Vì địch ngày càng truy quét gắt gao ở trên không lẫn mặt đất. Tuy vậy, qua dòng hồi kí của đồng chí Nguyễn Văn Chuộng và đồng chí Lê Văn Công thì dường như tất cả những khó khăn đó chỉ là thêm một lần thử thách những “ vàng trong lửa”. Và cũng từ nơi gian nguy ấy lại sáng bừng lên một tình cảm rất đẹp mà ở bất kì giai đoạn nào của đất nước nó cũng trở thành một biểu tượng. Đó chính là tình đồng chí đồng đội, tình đồng bào, nghĩa anh em được toát lên từ những gian khó, hiểm nguy. Cái tình ấy vừa sâu mà lại vừa nặng dẫu rằng chỉ là những hành động giản dị, chân chất của những con người thẳm lặn, vô danh nhưng sao thấm đượm đến vậy. Phải chăng vì thế mà sau bao năm trong tim người chiến sĩ ấy hình ảnh đó vẫn đậm màu như lúc ban đầu.



Chân dung đồng chí Nguyễn Văn Chuộng, nguyên Tổng đại diện kiêm Tổng trật tự tại nhà tù, Trưởng đoàn vượt ngục Tân Hiệp.

Trong hồi kí của mình, đồng chí Nguyễn Văn Chuộng đã viết sau khi thoát ra đã mười ngày, không có một hạt cơm dần bụng chỉ có nước suối cầm hơi nhưng tinh thần mọi người vẫn rất hăng hái. Người khỏe nâng người yếu cùng nhau vượt qua. Chính ngay lúc bế tắc họ lại gặp được hai người phụ nữ đi ra từ phía rừng giúp đỡ. Hai chị còn chủ động đề nghị “biểu cho các anh một bị gạo ăn đỡ lòng”, rồi vui vẻ nhường lại hai con rựa cầm tay để đoàn làm phương tiện đi đường(đó là công cụ hai chị dùng hằng ngày để đi bứt dây mây). Tiếp đó, hai chị cũng không ngại đêm tối giúp các chiến sĩ đến nơi an toàn. Và đến giây phút chia tay(dù chỉ là một thời gian ngắn ngủi quen biết nhau nhưng tình quân dân như đã sâu đậm từ lâu) thì mỗi người lại cất giữ cho nhau những kỉ niệm sâu sắc để trở thành nguồn động viên to lớn đối với con đường sắp tới của các anh.

Còn đối với đồng chí Lê Văn Công, tình cảm quần chúng dành cho tù chính trị thật sâu nặng. Ông viết: “Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp tuy có nhiều hi sinh mất mát, song, chúng tôi rất tự hào vì mình tự giải phóng cho mình để sớm trở về với hàng ngũ tiếp tục hoạt động.

Từ trong đáy lòng mình chúng tôi chân thành biết ơn đồng bào đã giúp đỡ chúng tôi trên những nẻo đường đi qua. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên các ni sư, sư ông, ni cô Năm và người cháu trai ở núi Thị Vải và chùa Long Vân Tự(Bà Chiêu), anh Hai Kiệt(Phú Định) và bà con khác đã che giấu, dẫn đường dẫn lối, nuôi dưỡng chúng tôi những ngày nguy khốn. Tình cảm ấy đã khắc sâu trong lòng người thấm thoát trong mấy chục năm qua và càng nung nấu ý chí giúp chúng tôi thêm nghị lực để chiến đấu và chiến thắng.”

Và với lớp trẻ chúng tôi, chiến tranh là những câu chuyện kể, là những thước phim tái hiện lại một thời đã xa với tiếng đạn bom dội trên mái nhà, với tiếng khóc nức nở của sự tang thương và với cả những khúc bi tráng cất lên trong niềm tự hào. Sáu mươi năm đã trôi qua, trí nhớ của bao người đã mờ đi song sự kiện ngày 2/12 vẫn mãi rực sáng trong kí ức. Bởi ấy là mốc son chói lọi đánh dấu cho sự vùng lên trước ách kềm cặp của quân thù. Và như đồng chí Lê Duẩn (nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam) khi báo cáo với Bác Hồ và Bộ Chính trị đã nói: “Cuộc phá nhà lao Tân Hiệp là tiếng súng bạo lực cách mạng đầu tiên ở miền Nam, minh chứng cho bản dự thảo đường cách mạng miền Nam” thì mốc son ấy lại trở thành niềm tự hào to lớn của nhân dân Đồng Nai. Nó đánh dấu một bước ngoặt mới và tạo nên một tiếng vang trong lịch sử dân tộc. Đồng thời cuộc phá khám chính là hình ảnh tiêu biểu cho lòng yêu nước, cho tinh thần cách mạng của nhân dân cả nước nói chung cũng như nhân dân Đồng Nai nói riêng.

Hôm nay về lại nhà lao Tân Hiệp chắc hẳn ai cũng có một câu chuyện muốn kể, một tình cảm muốn tỏ bày bởi lẽ những dấu ấn của lịch sử vẫn mãi vẹn nguyên như thế. Đứng trên mảnh đất đau thương này, tim ta như lặng đi để nép mình một bên, hòa vào cái đau đớn phía sau hàng dây thép gai mà bao con người kiên trung đã phải gánh chịu, để lắng nghe rõ hơn những tiếng xung phong, những tiếng rầm rập về với cách mạng, về với tự do trong ngày đông năm nào. Và hơn thế là để cảm nhận thật sâu sắc những nhịp đập của lòng tự hào dâng lên trong lồng ngực. Chính điều ấy đã viết lên tâm khảm mỗi người những cung bậc thật khó diễn tả bằng lời.

Với cá nhân tôi, khi đến với nhà lao tôi như được sống lại cuộc sống của những thế hệ tiền nhân dưới bao đòn roi của quân thù, với bao thiếu thốn về cả vật chất lẫn tinh thần nhưng cũng được chứng kiến sự anh dũng, gan trường của bao con người Việt Nam. Ở đó, tôi không biết đã rùng mình bao nhiêu lần trước những hiện vật còn lại minh chứng cho tội ác của giặc, cũng không biết đã bao lần phải thốt lên tiếng xót xa trước hàng ngàn nỗi đau. Nhưng đâu chỉ có thế, trong tôi còn xen lẫn niềm hãnh diện, tự hào trước tinh thần của các vị anh hùng. Và cũng có cả niềm vui to lớn mỗi lần có dịp được đi qua con đường Nguyễn Ái Quốc, ngắm nhìn khu tích lịch sử cấp Quốc gia đang khoác lên mình màu sơn mới khi khu di tích đã và đang được trùng tu nhằm mục đích nâng cao hơn giá trị lịch sử để nơi đây trở thành một địa chỉ về nguồn cho bao thế hệ tìm lại những tháng năm bi tráng.



Lễ động thổ công trình bảo tồn, tôn tạo di tích nhà lao Tân Hiệp.



Đông đảo đoàn viên thành phố Biên Hòa đến dự lễ khởi công công trình bảo tồn, tôn tạo di tích Nhà lao Tân Hiệp (ảnh: V. Truyền)

Và quả thật vậy, chỉ có đến đây người ta mới thật sự thấu hiểu tấm lòng, ý chí con người trong cả giây phút mong manh giữa sự sống và cái chết, giữa lí tưởng và những ham muốn cá nhân, để thấy được thứ vàng mười nơi “ máu lệ chan hòa ngực thất” mà “ tâm hồn vẫn rực lửa bình minh”. Có lẽ do thế mà hơn tất cả những gì để lại nơi bao trang sử vàng đó chính là những tài sản không thể cân đong đo đếm trong lòng người. Nó được thế hệ trước trao cho thế hệ sau bằng tất cả sự trân quý, nâng niu. Và tiếp nối điều ấy, chúng tôi tự hứa với lòng sẽ thật cố gắng phấn đấu dựng xây quê hương mình; nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc giữ gìn những truyền thống tốt đẹp để mai sau chúng tôi lại trở thành người truyền thêm lửa cho tuổi trẻ như bao thế hệ cha anh đã làm.

Sau cùng xin cho tôi mượn đôi dòng của nhà thơ Tố Hữu để làm lời kết cho trang viết này cũng như bày tỏ tấm lòng thành kính dâng lên anh linh những vị anh hùng đã hi sinh cuộc đời mình cho cuộc sống tươi đẹp hôm nay. Và đó đồng thời cũng là lời hứa của tuổi trẻ dành cho Tổ quốc mình trong thời đại mới:

“Nếu được làm hạt giống để mùa sau

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa

Vui gì hơn làm người lính đi đầu

Trong đêm tối tim ta làm ngọn lửa.”

MỤC LỤC

Trang

Phần I: Viết về người anh hùng Đoàn Văn Cự...

1. Con đường mang tên người anh hùng Đoàn Văn Cự trên địa bàn xã Thiện Tân
2. Tiểu sử Đoàn Văn Cự.....
3. Những bài học sâu sắc về vị Quốc công của nhân dân Đồng Nai

Phần II: Sự kiện Phá khám Tân Hiệp

ngày 02/12/1956 lịch sử

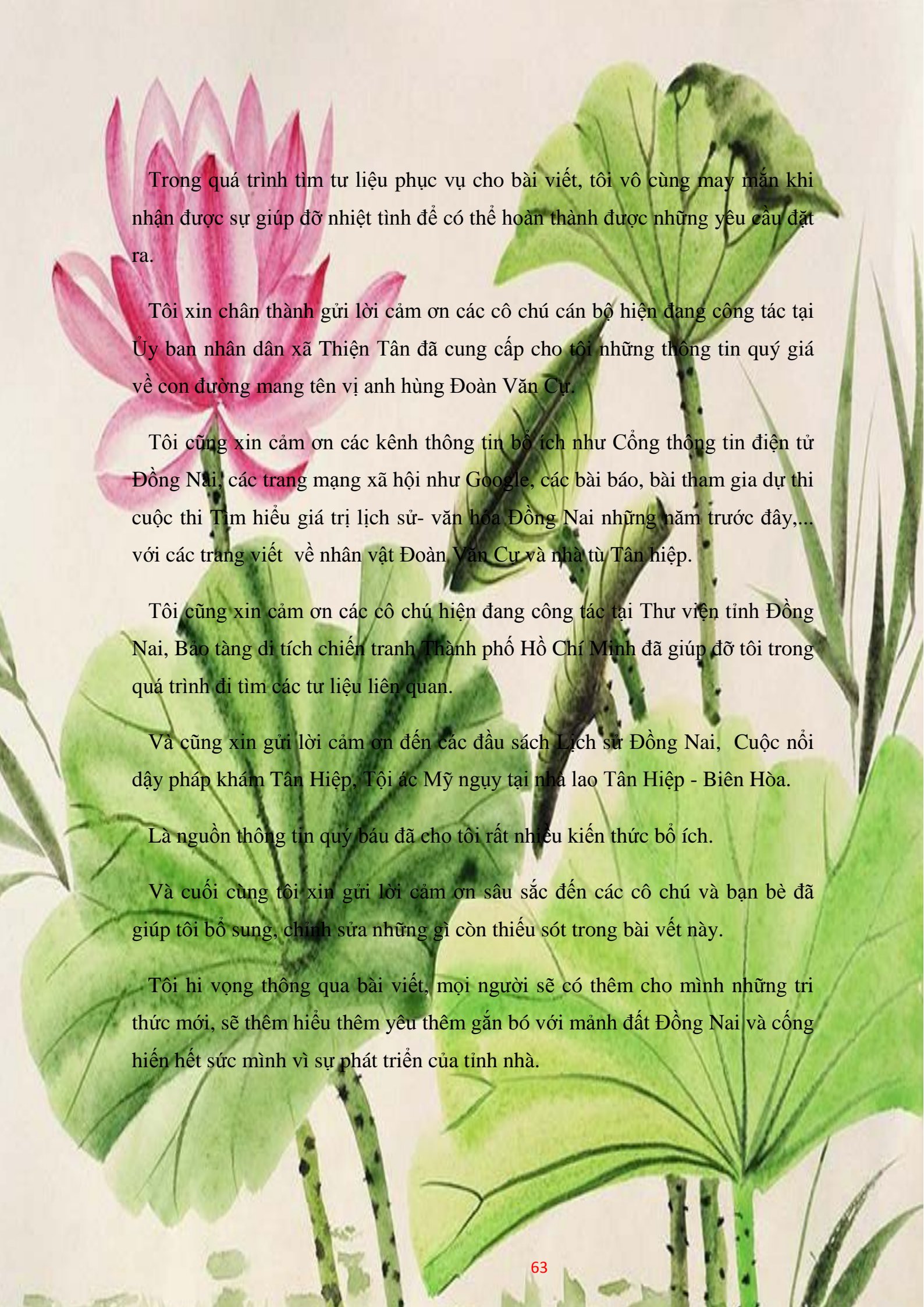
1. Nhà lao Tân Hiệp xưa.
2. Những chuẩn bị cho ngày nổi dậy.....
3. Diễn biến cuộc phá khám Tân Hiệp lịch sử
4. Tình hình sau khi diễn ra cuộc phá khám
5. Trận phá khám trong lòng chúng ta



LỜI CẢM ƠN

Lớn lên khi đất nước không còn chiến tranh, tôi không biết thế nào là những trận đỏi lịch sử, cũng không biết thế nào là nỗi ám ảnh đạn bom vẫn in sâu nơi từng mảng kí ức. Chiến tranh trong tôi có lẽ do vậy mà mang nhiều sắc độ khác nhau với những cảm nhận riêng của bản thân. Đó không chỉ là bao năm tháng “người người ra trận, nhà nhà ra trận” với những mất mát, đau thương mà hơn thế chiến tranh còn là câu chuyện về lòng yêu nước trong tinh thần quật cường và lòng dũng cảm của con người Việt Nam. Thế hệ chúng tôi rồi cũng trưởng thành. Tuy không trải qua những tháng năm bi tráng ấy song chúng tôi không bao giờ cho phép mình quên đi. Vì lẽ giản đơn, chúng tôi là người sẽ viết tiếp lịch sử Việt Nam anh hùng trong thời đại mới, thời đại có được nhờ sự hi sinh to lớn của cha ông mình.

Chiến tranh đã đi qua, nỗi đau cũng dần lành nhưng những mốc son chói lọi cùng âm ba vẫn còn sáng mãi để lớp trẻ chúng tôi được tìm về, dâng lên tấm lòng thành kính tỏ bày sự biết ơn, lòng tự hào của thế hệ tiếp bước mai sau. Chính vì lẽ đó cho phép tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ban tổ chức hội thi Tìm hiểu lịch sử văn hóa Đồng Nai đã tạo cơ hội cho chúng tôi có dịp hiểu hơn về mảnh đất này, để thêm trân quý và nỗ lực dựng xây một Đồng Nai ngày càng tươi đẹp hơn.



Trong quá trình tìm tư liệu phục vụ cho bài viết, tôi vô cùng may mắn khi nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình để có thể hoàn thành được những yêu cầu đặt ra.

Tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn các cô chú cán bộ hiện đang công tác tại Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân đã cung cấp cho tôi những thông tin quý giá về con đường mang tên vị anh hùng Đoàn Văn Cự.

Tôi cũng xin cảm ơn các kênh thông tin bổ ích như Cổng thông tin điện tử Đồng Nai, các trang mạng xã hội như Google, các bài báo, bài tham gia dự thi cuộc thi Tìm hiểu giá trị lịch sử- văn hóa Đồng Nai những năm trước đây,... với các trang viết về nhân vật Đoàn Văn Cự và nhà tù Tân Hiệp.

Tôi cũng xin cảm ơn các cô chú hiện đang công tác tại Thư viện tỉnh Đồng Nai, Bảo tàng di tích chiến tranh Thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ tôi trong quá trình đi tìm các tư liệu liên quan.

Và cũng xin gửi lời cảm ơn đến các đầu sách Lịch sử Đồng Nai, Cuộc nổi dậy pháp khám Tân Hiệp, Tội ác Mỹ ngụy tại nhà lao Tân Hiệp - Biên Hòa.

Là nguồn thông tin quý báu đã cho tôi rất nhiều kiến thức bổ ích.

Và cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cô chú và bạn bè đã giúp tôi bổ sung, chỉnh sửa những gì còn thiếu sót trong bài viết này.

Tôi hi vọng thông qua bài viết, mọi người sẽ có thêm cho mình những tri thức mới, sẽ thêm hiểu thêm yêu thêm gắn bó với mảnh đất Đồng Nai và cống hiến hết sức mình vì sự phát triển của tỉnh nhà.

